

Số: **243/2026/QĐST-HNGĐ**

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 226/2026/TLST-HNGĐ ngày 28/01/2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Nguyễn Thị Trang N**, sinh năm 1989.

2. Ông **Bùi Trọng H**, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: M1/13, khu phố 5, phường Tr, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện tại: 1462/6/8, khu phố 3, phường Tr, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trang N và ông Bùi Trọng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường Tr, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 302/2015. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà và ông H xác định mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Bùi Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 22/11/2016. Ly hôn, bà N và ông H thỏa thuận thống nhất giao con chung là

cháu Nh cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 7.500.000 đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Trang N và ông Bùi Trọng H mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà N và ông H thống nhất không đoàn tụ, đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 11/02/2026.

Xét việc thỏa thuận ly hôn của bà Nguyễn Thị Trang N và ông Bùi Trọng H là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trang N và ông Bùi Trọng H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 22/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Trang N trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 7.500.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông Bùi Trọng H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Trang N và ông Bùi Trọng H mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001682 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà N và ông H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Tr, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 302/2015 ngày 27/10/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Kim Thoa